

T HÂN PHẬN NGƯỜI LÍNH NĂM XƯA



Nguyễn Thanh Xuân –
Người lính mang máy

Ngày mới ra tù đi gặp ông Ký chủ lò gạch ở Núi Hùm để xin việc làm. Tôi lo dữ lắm. Tôi dựng xe đạp bên gốc cây trước lò gạch, ngồi lên khúc củi chờ, vì nghe nói ông chủ đi đâu đó. Mặt trời lên cao, nắng chói chang đổ xuống lò gạch, nhìn lao công nhễ nhại mồ hôi công việc nặng nề, tôi cảm giác sợ nhưng vẫn thầm mong ông chủ chấp nhận để có được việc làm. Đang suy nghĩ lan man, người lao công tôi làm quen lúc mới đến đi ngang qua:

– Ê... Ông Ký đến rồi, em vô gặp để ông đi lại đợi nữa.

Tôi theo hướng chỉ của người lao công. Ông Ký cao lớn có bộ ria mép đen rậm. Cảm nhận đầu tiên là từ vóc dáng đến gương mặt trông rất giống Nguyễn Cao Kỳ. Tôi thầm nghĩ: “Sao lại có người giống nhau quá vậy trời”!

Ông đang cầm củi ghi chép gì đó, tôi đến đối diện nở nụ cười, lễ phép:

– Dạ... em chào anh.

– Có gì không em? Ông ngược lên.

Tôi trình bày xin việc làm bốc gạch. Ông lại nhìn vào quyển sổ:

– “Nhà em ở đâu?”.

Sau khi nghe tôi trả lời, ông hỏi tiếp có biết người này người kia không? Ông hỏi đúng tên ông “thân sinh” của tôi và một vài người khác. Nghe tôi nói ông nhìn lên ngạc nhiên:

– A... vậy à, vậy là lúc bác... còn sống với gia đình anh là chỗ thâm tình có lạ gì đâu?

Ông Ký là con một gia đình giàu có tiếng tăm ở Tư Nguyên. Cha mẹ ông là thông gia với ông thông gia của cha tôi, nhờ vậy mà được hưởng lây cái “dur hương” dù cha tôi đã không còn trên cõi đời. Khi biết tôi mới ra tù lâm cảnh khốn khó, ông nhìn từ đầu đến chân thái độ thân thiện cười:

– “Công tử” mà đi vác gạch, liệu có làm được không em? Công việc nặng nề, lấm láp như em thấy đó.

– Dạ được... “công tử” gì đâu anh! Em làm được hết.

Ông Ký vui vẻ hỏi tôi về gia đình, chuyện quân đội, chuyện ở tù, thái độ thân thiện. Tuy nhiên tôi vẫn dè dặt vì thời thế thay đổi, lòng người có thể cũng đổi thay nên tôi e dè. Nói chuyện chừng nửa tiếng, sau cùng ông gật đầu đồng ý bảo sáng mai đi làm.

Tôi xin phép về, ông theo ra sân. Lúc thấy tôi dắt chiếc xe đạp trần trụi chỉ có hai bánh, không gác, không thắng, không bàn đạp. Ông kêu lên:

– Trời đất! xe như vậy làm sao em đi, nguy hiểm quá!

– Em đi rất chậm, của ông Nhạc cho chứ em chả có gì hết, vô sản mà anh! Tôi cười.

Ông nhìn theo khi tôi đạp xe ra ngõ.

Ngày ra tù, tôi thuộc loại vô sản đúng nghĩa, ngôi nhà của cha mẹ để lại bị trưng dụng làm cơ quan. “Cách mạng” cho gia đình tôi được “ưu tiên” tạm lưu trú ở chỗ trước đây làm nơi nhốt gà và bếp nấu ăn.

Trước ngày “đổi đời” tôi còn quá trẻ, chưa bao giờ nghĩ đời mình sẽ thâm tận cùng thế này. Con hồng thủy đã quét sạch những ước mơ, khép chặt cánh cửa vào tương lai. Chúng tôi bất ngờ bị nhậm chìm xuống tận cùng đáy vực.

Ra tù tôi làm việc gì để sống cũng gặp trở ngại vì bị “quản chế”. Ra khỏi nhà phải báo cáo với ông tổ trưởng, xin ông công an cho phép chứ không phải muốn đi đâu tùy ý, mà tôi thì không bao giờ muốn gặp “họ”. Người chung quanh không ai dám đến gần làm như tôi mắc bệnh phong cùi. Bà con bạn bè gặp nhau ngó lơ làm như không quen.

Mỗi thứ hai đầu tuần tôi phải trình diện công an, ngồi viết tường trình trong tuần qua làm gì? Đi đâu? Gặp ai? Thấy gì? Nghe gì? Chuyện viết báo cáo hàng tuần với tôi là một khổ hình, “ớn” tận óc, vì chưa bao giờ viết một lần là được “họ” chấp nhận, phải viết đi viết lại không biết bao nhiêu lần. Nhiều hôm mặt trời đứng bóng tôi mới lê bước rã rời ra khỏi cơ quan với nỗi chán chường.

Tôi đói meo, nhà không có cơm. Đến bữa, tôi xách cuốc ra vườn đào ít củ lang, hoặc nhỏ bụi khoai môn, chà rửa sạch sẽ bỏ vào nồi, cho nắm muối... vậy là xong một bữa. Ngày này qua ngày khác “thực đơn” không thay đổi. Nghĩa là củ lang và khoai môn “bám trụ” vững chắc không có thứ gì khác được phép “thay thế” trong dạ dày của tôi.

Làm mướn thì không ai thuê. Nhà nhà đều xác xơ, công việc phần ai nấy làm. Lại thêm dưới mắt mọi người thì tôi vẫn thuộc loại “công tử”, nên ra tù về đã một tháng, đói gần chết mà chẳng có “ma” nào thèm mướn làm thử một ngày, chỉ mong kiếm được bữa ăn. Lại thêm mỗi khi cần đi đâu tôi phải mượn xe đạp của người hàng xóm, mà việc này thì không phải dễ dàng.

Hôm có người mách mỗi công việc làm gạch ở Núi Hùm, trở ngại đầu tiên là chuyện làm đơn xin công an cho phép ra khỏi nhà. Tôi phải mất cả tuần lễ đi tới đi lui vì đơn bị bác lên bác xuống, khi ông thôn đồng ý thì ông xã lại lắc đầu, làm tôi ngất ngư muốn bỏ cuộc.

Vừa xong chuyện đơn trương, tiếp theo lại lo phương tiện di chuyển. Thấy tôi bí đường lúng túng nghĩ suy, ông “Nhạc” thương tình đi góp nhặt ở đâu mấy cái phụ tùng cũ phế thải ráp cho chiếc xe đạp vừa đủ để di chuyển tạm thời.

Hôm trao xe ông “Nhạc” nhìn tôi cười cười:

– “Hồi trước đi xe jeep bây giờ chịu khó đạp xe này nghe con”.

Tôi dạ, nụ cười của tôi chắc tang thương lắm khi nhìn thấy “dung nhan” chiếc xe, “người bạn” sẽ đồng hành cùng tôi trên con đường thiên lý.

Trời ơi! Chiếc xe mà ông Nhạc trao tặng mới thê thảm làm sao! Nó đơn giản tới mức không còn thể nào đơn giản hơn được, trần trụi chỉ có ghi đông, cái sườn cũ móp méo tứ tung, có hai bánh xe, không gạt bùn, không dây phanh, bàn đạp chỉ là hai cây sắt mòn nhẵn. Sợi dây xích sét lỏng lẻo, bắt vào cái đĩa cũng già lão răng cưa nhọn hoắc.

Khi tôi đạp một đoạn, nó trật xích, qua ổ gà rung nhẹ là nó rớt liên tù tì, phải xuống xe móc lại dây xích liên tục. Có khi vừa đặt mông lên yên xe, đạp chưa giáp một vòng lại rớt, cứ nhảy lên nhảy xuống hoài, đôi khi mệt quá tôi dắt bộ luôn cho khỏe.

Mỗi lần ra khỏi nhà phải chuẩn bị một nùi giẻ nhét dưới yên, vì khi đến nơi hai bàn tay tôi lúc nào cũng đen thui dầu nhót. Bởi không có phanh nên muốn dừng lại phải rà bàn chân vào bánh sau làm đôi dép nhựa mòn te tua, mà dép của tôi thì rách từa lưa, phải cột khâu bằng dây kẽm chứ có lành lặn gì đâu! Vậy mà chiếc xe độc đáo đó cũng đã đồng hành cùng tôi đi sớm về tối, đã chia sẻ những nhọc nhằn suốt một thời gian dài, cho đến ngày tôi rời bỏ quê nhà ra đi.

Trở lại chuyện đi làm ở lò gạch. Ngày nào tôi cũng dậy sớm nấu cơm bỏ vào lon guigoz, gọi là cơm cho oai chơi vậy thôi, nhưng chỉ một phần gạo trộn với bốn phần bắp xay, nhìn lon cơm thấy toàn bắp đỏ, có hôm thay bắp bằng củ lang khô, một ít mắm đựng trong hũ chao treo tòn ten vào ghi đông đập cộc cạch lên lò gạch.

Tôi phải đi sớm khi trời chưa sáng mới kịp giờ làm, vì chiếc xe nó vui buồn bất thường, phải nhảy lên nhảy xuống để bắt xích hoài nên đi chậm như rùa. Hôm nào cũng mệt gần chết, khi đến nơi người ta đã làm việc từ đời nào, báo hại tôi vội vàng vừa làm vừa thở muốn đứt hơi.

Công việc của tôi là bốc gạch chín từ trong lò đem xếp thành cây ngoài sân, rồi bốc gạch sống ngoài sân xếp vào một lò khác để nung. Ngày đầu tiên mỗi khi đặt hai chồng gạch lên vai, xương như gãy rời ra, tôi chịu đựng cả tuần lễ mới quen. Dù đã có tấm bao bố trùm từ đầu xuống hai vai nhưng mặt mũi tóc tai đầy tro bụi, nó phủ kín biến dạng không còn nhận ra người.

Nhà tôi ở quê nên hồi còn đi học trung học ở trường Trần Quốc Tuấn, mỗi cuối tuần về thăm nhà chạy xe ngang qua lò gạch này, thấy lao công trùm bao bố từ đầu xuống vai, hai chồng gạch cao, tay giữ thăng bằng đi thoăn thoắt, nể họ quá! Không ngờ sau mười lăm năm đèn sách để trở thành bác sĩ, kỹ sư. Bây giờ cũng lò gạch này tôi đang làm cái công việc mà ngày đó nghĩ không liên quan đến đời mình.

Buổi trưa tôi mang cơm ra gốc cây ngồi ăn, vì không muốn ai nhìn thấy cơm “đặc biệt” của mình toàn bắp đỏ lôm, hay củ lang khô đen thui xám xịt, trong khi cơm người ta bắp không nhiều, có thức ăn. Còn tôi thì duy nhất một hũ nước mắm, mà mắm của tôi cũng đã ba phần tư là nước muối, nên tốt nhất là không để họ biết mình ăn thứ gì.

Làm được ba ngày. Một buổi trưa tôi vừa ngồi xuống gốc cây để lon cơm và hũ mắm xuống đất, lấy chiếc nón vải lau mồ hôi, chuẩn bị mở nắp lon guigoz thì có tiếng gọi nhỏ:

– Thiếu úy.

Tôi ngược lên. Dù mặt mày tóc tai người đứng trước mặt lấm lem đầy tro bụi tôi vẫn nhận ra:

– “Xuân”. Tôi đứng dậy, Xuân bước tới kêu:

– “Trời”, cả hai ôm vai nhau, một giây yên lặng hai đứa ngồi bệt xuống đất mắt hai thằng đều đỏ. Tôi nói nhỏ:

– “Úy Tá” gì nữa Xuân ơi!... họ để ý một lát... ủa... Xuân cũng làm gạch hả? Mấy hôm nay mình không thấy?

Xuân chỉ lò gạch phía dưới cách nơi tôi đang làm hơn trăm mét:

– Em làm ở lò bên kia. Chiều hôm qua lúc về đi ngang qua thấy anh đang vác gạch, em ngờ ngờ không lẽ Thiếu úy Tiến, thấy giống giống mà nhìn anh te tua lấm lem xơ xác quá. Trên đường về em nghi ngờ, nhất định hôm nay phải gặp để xác nhận có đúng là anh không?

– Mình mới làm có ba hôm. Còn Xuân làm lâu chưa? Tôi hỏi.

– Em làm hơn một năm rồi. Anh ra tù bao giờ?

– Mới được một tháng, khó khăn quá không có việc gì làm, trước mắt mình phải có tiền rồi tính sau.

Xuân nhìn tôi:

– Sao anh không đi? Em nghĩ là anh đã đi rồi. Từ ngày nghe anh chuyển về Pháo Binh Diện Địa Quảng Ngãi rồi mất tin luôn. Không ngờ bây giờ lại gặp ở đây.

Tôi tóm tắt ngày cuối Trung Đội pháo binh đóng ở Bình Sơn, tình hình chung xảy đến quá nhanh, bất ngờ bị bắt không xoay trở kịp.

Xuân thở dài:

– Số mệnh cả... gia đình em cũng quyết đi, em và mẹ suýt bị sóng cuốn chìm ở bến cảng Chu Lai... nếu một mình thì em đã lên tàu được.

– Sao không để mẹ ở lại, Xuân đi trước rồi tính sau. Tôi nói.

Xuân lắc đầu:

– Thấy hỗn loạn chết nhiều quá mẹ buộc em lo thoát thân một mình, nhưng thà cùng chết chứ em không thể bỏ mẹ ở lại.

Ngưng một giây Xuân cúi xuống nói chậm rãi:

– Khi mất Tam Kỳ, tin đồn bỏ Quảng Ngãi lan rất nhanh, Mẹ nhấc ông chú ra Chu Lai nói là bằng mọi giá em phải đi, chết cũng phải đi không được ở lại, đừng lo gì cho mẹ. Anh nghĩ làm sao em bỏ mẹ? Ngày 24 em từ Chu Lai chạy về Quảng Ngãi đưa mẹ đi, nhưng lại thất lạc bà chị dâu và hai thằng cháu.

Tôi cắt lời:

– Xuân đưa mẹ ra bằng cách nào?

– “Xe Honda, nhưng ra tới Bình Liên bị việt cộng chặn đánh, ai chết bỏ lại, xe cán lên người, người giẫm lên người. Em bỏ xe dắt mẹ chạy bộ. Ra khỏi Bình Sơn gặp anh Châu con bà Dì ruột làm ban Quân Xa lái chiếc GMC đầy người, bám cả trên cabin, em nhét mẹ lên rồi bu theo. Ra tới Nước Mặn đánh nhau phía trước, lại bỏ xe chạy bộ. Em đưa mẹ ra được Chu Lai. Nhưng đêm 25 không thể lên tàu, bên tàu người đông như kiến, chen lấn xô đẩy nhau rơi xuống biển sóng cuốn đầy xác người bập bênh. Mẹ không chịu đi cứ hỏi thúc em lo thoát thân. Trong cảnh dầu sôi lửa bỏng chết sống tính từng giây, em đành xốc mẹ lên lưng lội ra biển, hy vọng bám được lên tàu. Nhưng sóng lớn quá, sóng nhồi lên cao đánh văng mẹ ra xa, em thất kinh quơ tìm xung quanh xác người dập dềnh. Em hối hận quá! Mẹ bị sóng cuốn đi rồi! Em kiệt sức tuyệt vọng buông xuôi theo sóng xô vào bờ. Như một phép lạ mẹ bị sóng đánh giật vào bờ nằm cạnh nhiều xác người. Mẹ còn sống nhưng kiệt sức uống quá nhiều nước biển”.

Xuân quay qua nhìn tôi:

– “VẬY là còn mẹ, em không cần gì nữa... Tàu ra khơi, người ta nháo nhào tìm thuê ghe đánh cá chạy ra biển. Đạn pháo kích ầm ầm tóe lửa, Chu lai rực cháy sáng trời. Hai ngày sau mới đưa mẹ về đến nhà thì không còn gì hết, nhà bị hôi của anh à”.

Xuân đắm chiêu buồn quá, hai đứa yên lặng không nói lời nào như cùng chia chung nỗi kinh hoàng vừa trải qua. Chập lâu tôi hỏi:

– Thời gian đầu Xuân có bị làm khó dễ gì không?

– Em lính trơn nên “học tập” tại địa phương một tháng rồi công tác lao động liên miên.

– Lúc mình chuyển đi khỏi Tiểu Đoàn 20, Xuân vẫn ở pháo đội Chỉ Huy Công Vụ cho tới ngày cuối cùng hả? Tôi hỏi.

– Dạ, Đại úy Quả làm Pháo đội trưởng Chỉ Huy Công Vụ, vẫn giữ em ở lại trong đội banh của Tiểu Đoàn.

Ánh mắt buồn nhìn vào cõi xa xôi, Xuân tiếp:

– “Một thời gian lâu không thấy anh ở Tiểu Đoàn. Hôm gặp Trung úy Nghiệp ở câu lạc bộ hỏi thăm, mới biết anh đã chuyển về pháo binh diện địa Quảng Ngãi”.

Cuộn phim quá vắng hiện về như mới hôm nào: Tôi gặp Xuân ở Tiểu Đoàn 20 pháo binh, trong lần đầu tiên tăng phái đi đề-lô cho Tiểu Đoàn 77 Biệt Động Quân biên phòng ở Duy Xuyên, Xuân và Thọ là hai người lính được Ban 3 cắt theo mang máy truyền tin PRC-25 và phụ giúp tôi trong cuộc hành quân.

Sau khi nhận sự vụ lệnh ở Ban 3 qua Ban 2 nhận bản đồ, tôi dẫn Xuân và Thọ về phòng ngũ sĩ quan sắp xếp đồ đạc chuẩn bị ra Hương An đổ quân. Ba đứa vừa bước vào phòng, Chuẩn úy Sơn (Sơn ù) khoá 1/70 Thủ Đức (dân Quảng Nam khoá đàn anh của tôi), đang ngồi đánh giấy, nhìn bọn tôi hỏi:

– Nghe nói mi đi với 77 hả Tiến, vùng mô biết không?

– Dạ, nhận bản đồ vùng Quế Sơn, Duy Xuyên với Hiệp Đức, anh đi vùng đó lần nào chưa?

Sơn nhìn bọn tôi nheo mắt cười:

– Rồi! Hiệp Đức, Hậu Đức tau nhảy xuống mấy lần cực bỏ mẹ nhưng vui. Mi coi chừng vô mấy buôn làng thấy thầy trò mi trẻ tuổi đẹp trai, con gái thượng hấn bắt giữ lại ở rể luôn đó nghe mi.

Tôi xếp đồ đạc bỏ vào ba-lô vừa cười:

– Nếu được vậy thì tôi tình nguyện ở lại luôn.

– Rứa hả? Rứa thì bàn giao con “bò” của mi ở Quảng Ngãi cho tau. Nghe Thiếu úy Hanh nói con bò mi đẹp lắm mà? Hứa với mi tau chăm sóc kỹ. Sơn cười.

Tôi xếp mấy tấm bản đồ, gom địa bàn, ống nhôm bỏ vào ba-lô. Xuân đến cạnh hỏi:

– Đồ Chuẩn úy đâu đưa em mang luôn cho.

– Thôi, đồ cá nhân của ai người đó mang, Xuân mang máy nặng rồi, cứ để tôi lo. Ra Hương An còn nhận lương thực hành quân nữa.

Chuẩn úy Sơn cười hì hì châm chọc:

– Ê, cái “bình sữa” bỏ theo chưa? Xuân nhớ Chuẩn úy Tiến còn “bú sữa” đó mi nghe.

– Xuân cười: “Dạ”.

Vì mới hai mươi một tuổi, ra trường có mấy tháng, vừa trẻ lại là đàn em nhỏ nhất trong nhóm sĩ quan đề-lô, cả phòng hay trêu chọc, gọi tôi là “Tiến sữa”. Sơn, Hanh, Công, Thắng, Vĩnh, toàn sĩ quan đàn anh thích nghịch đùa, khi tập trung lại bịa chuyện để cười:

Một lần Thiếu úy Vĩnh oang oang:

– “Bọn mi đừng rủ thằng Tiến ra cà phê Hương, mấy em chẳng tiếp mô, tụi hấn sợ mắc tội dụ dỗ trai vị thành niên ra tòa như chơi”. Hoặc Chuẩn úy Công cười ha hả bảo tôi đi đề-lô nửa đêm nhớ mẹ khóc làm lộ điểm đóng quân, khiến ông Tiểu đoàn trưởng bộ binh đòi trả về, làm công điện xin đổi đề-lô khác.

Còn Thiếu úy Hanh thì cười cười:

– “Hôm trước ngủ chung giường mới biết nó còn đái dầm ướt tao luôn”.

Mấy đàn anh hay phịa chuyện như vậy để cười mỗi khi tập trung ở phòng ngủ.

Xuân cũng bằng tuổi tôi, đẹp trai trắng trẻo nho nhã như học sinh trung học. Hiền lành vui vẻ, siêng năng vô cùng, dùng quân là lo đào hầm, cột võng, nhóm lửa nấu ăn. Mùa mưa ở miền trung mà lại hành quân trên rừng, chuyện lửa củi rất khó, nhưng Xuân cứ phải nấu nước sôi để chế cơm sấy, dù tôi bảo đổ nước lạnh vì không thể nhóm lửa dưới mưa rừng. Hay bữa ăn nào cũng có canh thịt hộp nấu với lá giang hoặc rau rừng hái dọc đường.

Suốt ba tháng hành quân trong rừng vùng Tây-Bắc thung lũng Quế Sơn, nơi chiến trường mịt mù lửa đạn, đánh đấm tung bừa, sự sống mong manh cận kề cái chết, chúng tôi đã bên nhau trong tình đồng đội, gắn bó thương nhau như anh em ruột thịt.

Xuân bắt việc rất nhanh, đêm khuya bất kỳ lúc nào quân bạn chạm địch tôi thức dậy gọi điện văn tặc xạ là có Xuân bên cạnh, rọi pin cho tôi xoay bản đồ, xác định phương góc, đọc tọa độ ghi chép phụ giúp tận tình, ngồi chờ đến khi nào tác xạ xong hết nhiệm vụ mới cùng nhau chui vào lều.

Ngày đó tuổi mới đôi mươi bọn tôi đều còn quá trẻ nên dễ hòa đồng, đùa nghịch với nhau không phân biệt quan lính. Mỗi khi dùng quân lúc Xuân và Thọ đào hầm, tôi dành phần cột võng cho ba đứa, hay phụ căng poncho, mỗi người một việc.

Có những đêm đóng quân trên đồi tranh không cột võng, phải căng lều trải poncho dưới đất, mây trời bập bênh như khói giăng lạnh tê người, lúc nào Xuân cũng để tôi nằm giữa cho ấm, nghe Xuân và Thọ nói chuyện tếu rồi cười.

Những đêm nằm cạnh nhau Xuân kể chuyện gia đình:

– “Cha em theo đạo Cao Đài bị Việt minh giết khi em còn trong bụng mẹ, bà ở vậy nuôi hai đứa con. Anh Hiệp vào Võ Bị Đà Lạt, về Thủy Quân Lục Chiến đã có vợ.”

Biết Xuân cũng học Trần Quốc Tuấn sau tôi một năm, thi rớt Tú Tài bán phần, tôi hỏi sao không vào Đồng Đế? Xuân nói sợ đi xa bỏ mẹ một mình. Có người quen ở Bộ Chỉ Huy pháo binh Sư Đoàn 2 xin cho về Tiểu Đoàn 20 để thỉnh thoảng về với mẹ.

Như duyên nợ một năm sau, trong chuyến đề-lô với Trinh Sát 2, Xuân lại được Ban 3 cắt đi với tôi một lần nữa. Khi đơn vị bạn dưỡng quân Xuân hay đưa tôi về nhà chơi. Nhà Xuân ở Gò Quán đối diện với ngôi trường tiểu học, trong một xóm đông người. Mẹ Xuân là người lanh lẹ và giỏi giang được học hành tử tế, nói chuyện rất mạch lạc và sự hiểu biết có chiều sâu. Bà có cơ sở dạy may thêu lớn.

Bà kể tôi nghe về cái chết của cha Xuân và những người trong gia đình, trong phong trào giết Cao Đài của Việt minh ở Quảng Ngãi trước năm 1954. Những biến cố kinh hoàng đó như vết chém hằn sâu trong ký ức đã mấy mươi năm chưa bao giờ phai. Bà lắc đầu: Bác rất sợ việt cộng.

Sự sống của bà là anh Hiệp và Xuân, bà thường than thở khi bọn tôi về thăm:

– “Bao giờ không còn cộng sản được hòa bình, để bọn cháu hết đi lính. Bác lo cho thằng Hiệp quá, trận nào cũng chết sống như chơi. Nay trên núi mai xuống biển, mới nghe nó đánh trong Nam, hôm sau đã ra Quảng trị. Nó đi lung tung.”

Bà hay ân cần dặn dò. Tôi nói:

– “Đạn nó tránh người, chết sống có số mà bác”. Khi đi thể nào bà cũng nhét cho Xuân ít tiền nói để nó uống nước.

Thời gian sau tôi rời Tiểu Đoàn 20 pháo binh, chuyển chuyển về Tiểu khu Quảng Ngãi làm Trung đội trưởng 109 pháo binh Diên Địa. Rồi tình hình chiến trường và nhiệm vụ mới, nên tôi và Xuân không còn gặp nhau nữa.

Bây giờ bất ngờ gặp lại Xuân ở hoàn cảnh này, trong nỗi mừng hội ngộ có mùi cay đắng, cả thầy lẫn trò đều là hai thằng cu-li cùng rách nát như nhau.

Từ hôm đó cứ đến trưa Xuân mang cơm qua gốc cây cùng ăn với tôi, rồi nằm ngửa mặt nhìn trời nói chuyện cũ, nhắc lại những kỷ niệm xưa. Tôi nhận ra Xuân lúc nào cũng buồn không còn vui đùa như ngày còn ở lính.

Tôi hỏi sao chưa lấy vợ, Xuân cười buồn:

– Một thân lo chưa xong mà vợ con gì anh, mẹ em đã mù bây giờ lại mất trí nhớ nữa!

Tôi nhìn Xuân:

– Ủa, Bác bệnh từ bao giờ, hồi Xuân dẫn về nhà chơi mình thấy bà dạy may thêu cơ sở lớn quá mà?

– Từ ngày anh Hiệp chết trận ở Quảng Trị, mẹ em khóc mất bị nhiễm trùng. Năm bảy lần cơ sở làm ăn tiêu tán. Suốt ngày bà chép miệng: “Thôi hết rồi.” Những biến cố dồn dập làm mẹ suy sụp, bệnh mẹ có thuốc men gì đâu bà mù luôn. Gần đây lại mất trí nhớ, có hôm nửa đêm mẹ mò đi ra ngoài đâm vào bụi rậm rơi xuống hố, ba chú cháu bung đèn đi tìm. Em đi làm hai cháu phải ở nhà canh chừng bà nội, nhưng bọn nó nhỏ quá không giữ được nên bà cứ đi. “Chắc em phải bỏ làm thôi anh à!...”

Xuân nhìn vào cõi trời xa xăm: “Anh Hiệp Trung ury Thủy Quân Lục Chiến tử trận bỏ lại hai đứa con. Ngày Quảng Ngãi di tản, bà chị dâu dắt hai đứa nhỏ chạy ra Chu Lai, đến Bình Liên chị bị mảnh cối vào đầu, chỉ còn hai thằng bé sống sót. Mấy năm nay em phải nuôi bà mẹ mù và hai đứa cháu, bữa cháo bữa rau mà vợ con gì đâu anh!”

Tôi chết lặng trong lòng trách ông trời bất công! Sao thế hệ bọn tôi lại gánh chịu những oan nghiệt? Thương Xuân quá! Cứ tưởng mình khốn khó nhất trên đời, thì ra Xuân cũng không hơn gì, mỗi người một cảnh mà cảnh nào cũng tối tăm mịt mù.

Cái cà-mèn com của Xuân cũng thập cẩm không thua gì lon com của tôi, cũng toàn bắp lại có thêm mấy củ lang, một gói muối trắng giã ớt, bọn tôi ăn chung với nhau.

Mỗi buổi chiều trước khi về Xuân cùng tôi ra giếng tắm, nhớ lại chuyện hai đứa tắm mà tội nghiệp. Không hiểu sao thời tiết năm đó lạnh tàn bạo, lạnh khủng khiếp. Bên bờ giếng hai đứa không dám cởi áo quần, ngồi co ro núp ngọn gió bắc cửa vào da thịt. Không đủ can đảm xối gầu nước lên người, hai hàm răng đánh cồm cộp. Nhưng không thể mang cái hình hài chẳng ra người về nhà nên cuối cùng cũng phải xối nước trong cái rét chết người, hai thằng vừa xối vừa run. Hơn bốn mươi năm cái cảm giác lạnh ngày đó vẫn còn trong tôi như mới hôm nào đây thôi.

Một buổi sáng có việc nhà, tôi đến muộn, chiếc xe cà tàng nó lại hành hạ, dây xích cứ rút lên rút xuống hàng chục lần, nên bị đến trễ.

Vừa tới đầu đường đã thấy người ta làm nhộn nhịp, tôi vội vàng đạp nhanh, vô ý vấp lên cục đá nó hất tôi té lăn quay, cái xe văng xuống vệ đường, lon guigoz com bung nắp ra văng tồm xuống hầm đất đầy nước.

Tôi lồm cồm bò dậy, cái đầu bị té không bằng cái đầu lon cơm chìm xuống ao bùn. Tôi đành bỏ cơm, rửa lon vội vàng dắt xe vào lò gạch trong lòng lo bữa trưa nhịn đói, muốn mua cái gì thì không có tiền. Từ ngày ra tù trong túi tôi chưa bao giờ có một hào bạc.

Trưa hôm đó tôi lánh mặt trước khi Xuân tới, nhờ anh em nhắc lại là tôi có việc phải đi ra ngoài. Nhưng một người làm gạch cho Xuân biết chuyện tôi té ngã ban sáng. Nó chạy đi tìm.

Đang nằm trước hiên một ngôi nhà hoang nhắm mắt lại để quên cái đói còn cào thì Xuân tới. Nó ngồi xuống bên cạnh lấy cái mũ vải tôi đang che mặt kéo tay dựng tôi dậy:

– Anh kỳ quá... em biết cả rồi, mình chia cơm nhau có sao đâu, lâu lâu ăn ít một bữa có chết ai!

Xuân tiếp tục những lời trách móc, miệng nói tay sót cơm ra ngăn cà–mèn rắc lên ít muối đưa tận tay tôi với cái muỗng nhôm gãy cán. Xuân bẻ cây làm đũa bới cơm ra cái nắp. Nó nhìn tôi ánh mắt thật buồn:

– “Ăn đi anh, chiều còn làm nữa mà.”

Tôi không nói lời nào từ khi nó xuất hiện, cổ nghẹn cứng bao nhiêu lời nói đều vô nghĩa. Tôi cảm phần cơm Xuân đưa, nước mắt trào ra chảy xuống len vào miệng mặn chát. Xuân cũng cúi xuống đưa bàn tay chai sạm quệt nước mắt.

Tình chiến hữu trong chúng tôi vẫn như ngày nào, tình đồng đội, sự tử thân cho số phận bọn tôi đã bị cuộc đời nhận chìm xuống tận đáy vực của lớp người cùng khổ.

Hai đứa không nói lời nào, Xuân sót thêm cơm cho tôi. Trong cái im lặng đã nói với nhau nhiều điều, dù có bao nhiêu ngôn từ thốt ra cũng không diễn đạt hết. Tình chiến hữu vẫn còn trong chúng tôi dù lịch sử đã sang trang và cuộc đời thay đổi.

Xuân hay qua trợ giúp khi thấy tôi làm không kịp, hôm nào Xuân không đi làm, tôi làm lủi bốc vác ra vào như chiếc bóng. Công việc nặng nề trong tình trạng đói mờ mắt, đói rã rời tay chân. Nhiều hôm đói, kiệt sức tôi ngã ngoài sân, gạch văng tứ tung, gục đầu trên đồng gạch thờ dốt. Nhưng tôi không thể bỏ cuộc, lại đứng lên làm cho xong phần của mình.

Về sau Xuân hay nghỉ việc vì mẹ bị ốm thường xuyên, những hôm không có Xuân trợ giúp tôi thường về muộn, công việc quá sức đến nỗi có những buổi chiều mọi người ra về từ khi nào, tôi vẫn còn ở lại làm lủi làm một mình.

Hoàng hôn đỏ xuống nhập nhòa, lò gạch chỉ còn mình tôi nằm thờ giữa sân cỏ, ngửa mặt nhìn bầu trời lưa thưa những vì sao mà nghe nỗi xót xa tràn ngập cõi lòng. Tôi buồn cho

thân phận mình, thương cảnh bi đát của Xuân. Biết bao lần tôi đã tự hỏi: “Thượng Đế có thật sự hiện hữu trong vũ trụ này không hả trời?”

Ngồi trên chiếc xe đạp cọc cạch, lầm lũi trong bóng tối chập choạng theo con đường đất quanh co tôi nguyện với lòng: “không được bỏ cuộc, nhất định mình phải sống.”

Làm ở lò gạch được một thời gian thì tôi phải bỏ việc, vì bị an ninh kêu hạch hỏi đủ điều, đi làm gặp ai? Máy người đó ở đâu? Trước đây làm gì? Nói với nhau những gì? Định bao giờ vượt biên? Nhất là mỗi khi có tin quân phục quốc hay kháng chiến hoạt động đâu đó là tôi bị câu lưu, nhốt năm bảy ngày, bị tra khảo... buộc phải nhận những việc mà mình không có làm.

Rồi tôi bị kêu đi công tác gõ mìn, đập đập, đào mương liên miên, việc làm phải gián đoạn, chủ lò gạch không vừa ý. Tôi sống trong tâm trạng lo âu bị khủng bố ngày đêm cho đến khi không còn chịu nổi, tôi quyết định ra đi.

Từ ngày không còn làm lò gạch có dịp là tôi ghé thăm, Xuân cho biết cũng không còn làm thường xuyên nữa vì bệnh mẹ ngày càng nặng, bà không còn trí nhớ hay mò đi ra ngoài không biết đường về.

Tôi đến nhà chia tay Xuân trước ngày ra đi. Hai thằng cháu con anh Hiệp vòng tay chào chú, khi đang chơi ngoài sân, Xuân lom khom nhóm lửa nấu cơm chiều, khói bay mù mịt. Mẹ Xuân đôi mắt vô hồn lơ đãng, ngồi nói lảm nhảm một mình trên chiếc giường tre cũ ở góc nhà, trông bà gầy xanh xao so với những lần tôi đến lúc còn làm lò gạch.

Chúng tôi cầm chặt tay nhau thật lâu không đứa nào nói nên lời. Giọng Xuân buồn buồn:

– “Vào miền nam nếu có cơ hội anh phải đi... phải ra đi mới có đường sống... Còn em chưa biết ngày mai ra sao... không biết làm gì? Đi đâu? Về đâu?”.

Hai đứa yên lặng. Tôi nhìn nơi chân trời màu đỏ của ráng chiều vắt ngang dãy Trường Sơn mịt mù. Bầu trời đã chuyển màu xám của hoàng hôn vài ngôi sao xuất hiện. Trong cái bóng chiều ảm đạm làm nát lòng người, một nỗi buồn tê tái dâng trào. Tôi siết mạnh bàn tay gầy guộc của Xuân. Xuân nhìn tôi thật buồn nước mắt đoanh tròn:

– “Thôi, anh đi bình an!”

Tôi đưa tay gạt nước mắt, đạp xe ra ngõ.

Tôi lang bạt vào miền Nam tìm đường mưu sinh, từ đó không gian chia cách và điều kiện liên lạc khó khăn không còn tin tức gì về Xuân nữa, mặc dù đã mấy mươi năm tôi cố gắng hỏi thăm khi có cơ hội.

Rồi thời gian trôi qua, chuyện cũ đã chìm theo tháng năm trong bụi mù ký ức. Đời tã tời, mắt đã mờ, chân đã mỏi. Năm 2003 tôi trở về tìm Xuân, cảnh quan đổi thay không còn dấu tích, tôi đứng trước nơi nhà cũ Xuân rất lâu nhưng là căn nhà khác lạ, người ta cho biết nơi này đã đổi chủ nhiều lần nên không ai còn nhớ. Tôi hỏi thăm Xuân có bà mẹ mà cách đây hơn hai mươi lăm năm, nhưng không ai biết, tất cả đều xa lạ.

Cuối cùng gặp một người đàn ông lớn tuổi cho hay sau khi chôn cất mẹ, Xuân đã bán nhà đất hai cháu lên cao nguyên. Từ đó đến nay không thấy trở về.

Tôi đi ngang qua nơi lò gạch mà cách đây hơn một phần tư thế kỷ lúc còn là một thanh niên khi mới ra tù, tôi và Xuân đã trải qua những ngày khốn khó, đôi từng bát mỗ hôi tìm sự sống trong khổ nhục của kiếp lưu đày. Tất cả không còn dấu tích.

Bộ phim quá vắng sống lại. Nó kéo tôi trở về chân trời cũ, một quãng đường đời với bao nỗi đón đau buồn phiền đã qua. Tôi bước đi lòng trĩu nặng u buồn, chúng tôi đã mất hết tuổi trẻ và hy vọng từng ấp ủ ở tuổi hai mươi. Không biết Xuân bây giờ ở chân trời nào? Cuộc sống ra sao qua bao nhiêu đổi thay của cuộc đời?

*Quê hương từ dạo điêu tàn
Đưa tù, đưa chết đưa lang thang
Lối nhỏ đường xưa người vắng bóng
Ta về chốn cũ nhớ mệnh mang.*

Khi ngồi viết lại những dòng này đã hơn bốn mươi năm, gần nửa thế kỷ trôi qua, thời gian đủ dài để tôi và Xuân từ một thanh niên tuổi hai mươi đầy sức sống sắp bước vào cửa thất tuần. Qua cuộc bể dâu những thăng trầm của cuộc đời. Không biết Xuân lưu lạc nơi nào? Có còn trên cõi đời này hay không?

Cầu xin nơi chân trời nào đó Xuân vẫn sống, không biết hai cháu con anh Hiệp ra sao? Mình chúc bình an, hy vọng quả đất tròn rất mong một lần gặp lại nhau Xuân ơi!

Phước Tuy: Mùa đông năm 2012
Lưu Hoàng Kỳ
(Credit: Xin H Công)



nguồn: internet eMail by tqh chuyển

*Đăng ngày Thứ Bảy, September 20, 2025
tkd, Khoá 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*